

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ CHƯA THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
VỀ XỬ LÝ TÀI CHÍNH, XỬ LÝ KHÁC ĐẾN 31/12/2022 (ĐÃ CẬP NHẬT BỔ SUNG THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ ĐẾN THỜI ĐIỂM THÁNG 4/2023)
(Phụ lục kèm theo Công văn số /KV II - TH ngày tháng 4 năm 2023 của Kiểm toán nhà nước khu vực II)

Đơn vị: Đồng

TT	Chi tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Xử lý nợ đọng vay TƯ và GTGC	Kiến nghị khác	Thực hiện bổ sung đầu năm 2023	Ghi chú
1	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	KTNN khu vực II									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.130.225.959.720	18.240.396.385	0	349.329.042.366	282.637.276.069	41.359.186.000	438.660.058.900	26.239.201.861	
I	Năm kiểm toán 2021 (niên độ được kiểm toán 2020)									
	Số chưa thực hiện	296.114.497.430	3.290.420.465	0	74.196.710.406	30.527.341.811	0	188.100.024.748	10.966.926.278	
1	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Nghệ An								1.502.149.000	
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	103.821.051.547	188.239.218	0	2.460.302.000	13.518.787.844	0	87.653.722.485		
1.1	Huyện Anh Sơn									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	501.983.000	0		0	51.983.000	0	450.000.000		
1.2	Huyện Diễn Châu									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	326.000.000	0	0	0	0	0	326.000.000		
1.2	Huyện Đô Lương									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.916.361.000	0	0	1.665.660.000	174.068.000	0	1.076.633.000	1.502.149.000	Bổ sung chứng từ giảm chi thường xuyên
1.3	Huyện Kỳ Sơn									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.111.595.000	0		0	912.961.000		2.198.634.000		
1.4	Huyện Nghĩa Đàn									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.387.972.935	50.691.323		0	0	0	4.337.281.612		
1.5	Huyện Tân Kỳ									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.539.754.653	0		0	576.641.000	0	963.113.653		
1.7	Huyện Tương Dương									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	49.373.000	0		0	49.373.000	0	0		
1.9	Thị xã Thái Hòa									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	365.828.748	31.935.273		72.978.000	0	0	260.915.475		
1.10	Thành phố Vinh									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.143.579.895	4.915.895		721.664.000	0	0	417.000.000		
1.11	Trường Đại học kinh tế Nghệ An									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	218.732.000	0		0	218.732.000	0	0		
1.12	Vườn Quốc gia Pù Mát									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	567.397.442	0		0	550.826.442	0	16.571.000		
1.13	Ban quản lý Dự án Đề Điều tỉnh Nghệ An									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.225.594.074	0		0	1.011.857.074	0	1.213.737.000		
1.14	Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NAPMU)									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	9.950.955.000	0		0	9.950.955.000	0	0		
1.15	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nghệ An									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	21.391.328	0		0	21.391.328	0	0		
1.16	Cục Thuế Tỉnh Nghệ An									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	632.839.057	100.696.727		0	0	0	532.142.330		
1.17	Sở Tài chính Nghệ An									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	18.265.000.000			0	0	0	18.265.000.000		
1.18	Kho bạc nhà nước tỉnh Nghệ An									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	57.596.694.415			0	0	0	57.596.694.415		

TT	Chi tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi DT	Xử lý nợ đọng vay TU' và GTGC	Kiến nghị khác	Thực hiện bổ sung đầu năm 2023	Ghi chú
1	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
2	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Hà Tĩnh								438.078.388	
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	44.907.448.157	969.801.764	0	15.436.884.889	8.779.302.205	0	19.721.459.299		
2.1	Sở Tài chính Hà Tĩnh	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	15.400.132.848			9.950.132.848			5.450.000.000		
2.2	Huyện Nghi Xuân	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	281.909.000	0		0	0		281.909.000		
2.3	Huyện Hương Sơn	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	704.776.522	0		300.000.000	404.776.522		0	300.000.000	Bổ sung chứng từ giảm chi thường xuyên
2.4	Huyện Hương Khê	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	176.454.000	0		0	176.454.000		0		
2.5	Huyện Vũ Quang	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	6.300.648.417	0		0	0		6.300.648.417		
2.6	Huyện Cẩm Xuyên	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	20.202.472	20.202.472		0	0		0		
2.7	Huyện Kỳ Anh	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	447.929.161	18.727.273		0	0		429.201.888		
2.8	Thành phố Hà Tĩnh	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.774.100.979	0		0	834.144.979		939.956.000		
2.9	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Hà Tĩnh	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.555.630.704				3.555.630.704				
2.10	Kho bạc nhà nước tỉnh Hà Tĩnh	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.055.769.300						3.055.769.300	16.603.077	Bổ sung kiến nghị khác
2.12	Ban Quản lý các dự án xây dựng cơ bản huyện Lộc Hà	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	308.006.000				308.006.000		0		
2.13	Ban Quản lý các dự án thị xã Kỳ Anh	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	139.659.000				0		139.659.000		
2.14	Cục Thuế Tỉnh Hà Tĩnh	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	903.226.800	903.226.800					0		
2.15	Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	149.120.530	27.645.219		121.475.311				121.475.311	Bổ sung chứng từ chi thường xuyên
2.16	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Tĩnh	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	5.065.276.730			5.065.276.730					
2.17	Ban QLĐA đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	6.624.605.694				3.500.290.000		3.124.315.694		
2.18	Ban quản lý dự án đầu tư xây khu vực Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	548.209.000				0		548.209.000		
3	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Thừa Thiên Huế	0							1.193.831.466	
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	53.640.316.764	364.792.410	0	23.113.088.662	1.307.153.619	0	28.855.282.073		
3.1	Ban Quản lý dự án Cải thiện môi trường nước thành phố Huế	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.161.466.946	0	0	0	84.023.044	0	2.077.443.902		
3.2	Kho bạc Nhà nước Tỉnh Thừa Thiên Huế	0								

TT	Chi tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi DT	Xử lý nợ đọng vay TƯ và GTGC	Kiểm nghị khác	Thực hiện bổ sung đầu năm 2023	Ghi chú
1	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	20.785.608.143	0	0	0	0	0	20.785.608.143		
3.3	Cục Thuế Tỉnh Thừa Thiên Huế	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.037.822.468	226.193.088		0	0		811.629.380	226.193.088	Bổ sung chứng từ tăng thu
3.4	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	119.800.000	0		119.800.000	0	0	0	119.800.000	Bổ sung chứng từ chi thường xuyên
3.5	Sở Tài chính Thừa Thiên Huế	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	13.242.361.000	0		13.242.361.000	0	0	0		
3.6	Sở Tài nguyên và Môi trường Thừa Thiên Huế	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	707.812.000	0		0	0	0	707.812.000		
3.7	Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.410.000.000	0		1.410.000.000	0	0	0		
3.8	Ủy ban nhân dân huyện Phú Lộc	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.138.345.520	0		600.000	437.745.520	0	700.000.000		
3.9	Ủy ban nhân dân huyện Quảng Điền	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.430.147.256	0		4.078.956.272	351.190.984	0	0	351.190.984	Bổ sung chứng từ chi đầu tư
3.10	Ủy ban nhân dân thành phố Huế	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	838.788.648	0		0	0	0	838.788.648		
3.11	Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.510.111.678	7.561.678		1.642.550.000	0	0	2.860.000.000	7.561.678	Bổ sung chứng từ tăng thu NSNN
3.12	Ủy ban nhân dân thị xã Hương Trà	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.258.053.105	131.037.644		2.618.821.390	434.194.071	0	74.000.000	489.085.716	Bổ sung chứng từ tăng thu 131.037.644 đồng; Giảm chi đầu tư 358.048.072 đồng
4	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Quảng Bình	0							7.832.867.424	
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	58.703.618.752	1.089.083.813	0	32.929.263.855	3.628.754.073	0	21.056.517.011		
4.1	Kho bạc nhà nước Quảng Bình	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.855.368.000						1.855.368.000		
4.2	Cục Thuế tỉnh Quảng Bình	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	10.267.900.520	151.162.492					10.116.738.028	4.550.127.453	Bổ sung chứng từ tăng thu 151.162.492 đồng; Kiểm nghị khác 4.398.964.961 đồng
4.3	Sở Tài chính Quảng Bình	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	27.059.826.977			27.059.826.977			0		
4.4	Ban Quản lý dự án đầu tư ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	294.657.949				294.657.949		0		
4.5	Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Bình	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	342.510.779				275.213.050		67.297.729		
4.6	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Công trình dân dụng và Công nghiệp tỉnh Quảng Bình	0								

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi DT	Xử lý nợ đọng vay TƯ và GTGC	Kiến nghị khác	Thực hiện bổ sung đầu năm 2023	Ghi chú
1	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	876.961.454				876.961.454		0		
4.7	Thành phố Đông Hới	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.814.691.349	53.035.325		924.706.024	156.854.000		680.096.000	53.035.325	Thực hiện bổ sung chứng từ tăng thu NSNN
4.8	Thị xã Ba Đồn	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	7.592.902.313	17.697.553		1.093.120.000	0		6.482.084.760	2.021.472.335	Bổ sung chứng từ tăng thu 17.697.553 đồng; Kiến nghị khác 2.003.774.782 đồng
4.9	Huyện Lệ Thủy	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.206.012.159	20.525.545		411.404.678	1.273.093.629		1.500.988.307	20.525.545	Thực hiện bổ sung chứng từ tăng thu NSNN
4.10	Huyện Quảng Ninh	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.261.990.486	12.900.319		1.497.116.176	751.973.991		0		
4.11	Huyện Bố Trạch	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.130.796.766	833.762.579		1.943.090.000	0		353.944.187	1.187.706.766	Bổ sung chứng từ tăng thu 833.762.579 đồng; Kiến nghị khác 353.944.187 đồng
5	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Quảng Trị	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	34.493.853.210	678.503.260	0	257.171.000	3.293.344.070	0	30.264.834.880		
5.1	Kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Trị	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	10.354.112.976						10.354.112.976		
5.2	Cục Thuế tỉnh Quảng Trị	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	18.666.477.321	564.529.516					18.101.947.805		
5.3	Sở Tài chính Quảng Trị	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	998.611.237			164.946.000	833.665.237				
5.4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	665.905.000				665.905.000		0		
5.5	Thành phố Đông Hà	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.113.326.055	71.707.055		0	13.933.000		1.027.686.000		
5.6	Huyện Triệu Phong	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	597.606.144	0		16.025.000	150.493.000		431.088.144		
5.7	Huyện Hải Lăng	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	232.995.752	14.995.479		0	87.313.000		130.687.273		
5.8	Huyện Cam Lộ	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	5.625.174	5.625.174		0	0		0		
5.9	Huyện Vĩnh Linh	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	344.582.718	21.646.036		76.200.000	27.424.000		219.312.682		
5.10	Ban Quản lý dự án các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Trị	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	242.140.000				242.140.000		0		
5.11	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Quảng Trị	0								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.272.470.833				1.272.470.833		0		
II	Năm kiểm toán 2020 (niên độ được kiểm toán 2019)								12.686.457.125	

TT	Chi tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi DT	Xử lý nợ đọng vay TƯ và GTGC	Kiến nghị khác	Thực hiện bổ sung đầu năm 2023	Ghi chú
1	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Số chưa thực hiện	174.990.419.519	391.724.150	0	41.055.061.828	20.895.321.286	0	112.648.312.255		
1	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Nghệ An								12.544.260.223	
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	63.051.106.992	22.014.200	0	40.869.069.828	12.188.303.013	0	9.971.719.951		
1.1	Huyện Anh Sơn									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	343.038.000	0		0	156.929.000	0	186.109.000		
1.2	Huyện Con Cuông									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.743.200.000	0		4.743.200.000	0	0	0	2.630.200.000	Bổ sung chứng từ chi thường xuyên
1.3	Huyện Diễn Châu									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	22.014.200	22.014.200		0	0	0	0		
1.4	Huyện Đô Lương									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.132.065.993	0		26.890.000	387.270.240	0	1.717.905.753	26.890.000	Bổ sung chứng từ chi thường xuyên
1.5	Huyện Nghi Lộc									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.287.131.544	0		0	65.727.000	0	1.221.404.544		
1.6	Huyện Quỳnh Châu									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.572.238.576	0		2.387.000.000	1.640.689.631	0	544.548.945		
1.6	Huyện Quỳnh Hợp									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.084.191.251	0		102.100.000	43.485.454	0	938.605.797	102.100.000	Bổ sung chứng từ chi thường xuyên
1.7	Huyện Tân Kỳ									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	101.487.800	0		101.487.800	0	0	0		
1.8	Huyện Yên Thành									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.791.877.219	0		157.039.343	275.265.809	0	2.359.572.067	157.039.343	Bổ sung chứng từ chi thường xuyên
1.8	Thị xã Hoàng Mai									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.065.164.033	0		0	71.981.653	0	993.182.380		
1.9	Thành phố Vinh									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	23.278.023.150	0		22.501.866.685	44.053.000	0	732.103.465	4.749.716.880	Bổ sung chứng từ chi thường xuyên 4.443.844.505 đồng; kiến nghị khác 305.872.375 đồng
1.10	Ban Quản lý dự án ngành Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	77.278.000	0		0	63.268.000	0	14.010.000		
1.11	Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	142.284.000	0		0	142.284.000	0	0		
1.12	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Nghệ An									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.124.533.000	0		0	2.255.000	0	1.122.278.000		
1.13	*Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thủy lợi Nam Nghệ An									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	6.162.000	0		0	6.162.000	0	0		
1.14	Sở Văn hóa và Thể thao Nghệ An									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	164.505.000	0		0	22.505.000	0	142.000.000		
1.15	Sở Tài chính Nghệ An									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	20.115.913.226	0		10.849.486.000	9.266.427.226	0	0	4.878.314.000	Bổ sung chứng từ chi thường xuyên

TT	Chi tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi DT	Xử lý nợ đọng vay TU và GTGC	Kiến nghị khác	Thực hiện bổ sung đầu năm 2023	Ghi chú
1	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
2	Đoàn kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Cam Lộ - La Sơn thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020; Dự án phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 - Xây dựng công trình đường Hồ Chí Minh đoạn La Sơn -Túy Loan, tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT)									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	11.672.889.789	0	0	0	297.402.201	0	11.375.487.588		
2.1	Ban Quản lý Dự án Đường Hồ Chí Minh									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	11.672.889.789	0		0	297.402.201	0	11.375.487.588		
2.2	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư BT Cam Lộ - Túy Loan									Đưa ra khỏi danh sách do kiến nghị chưa thực hiện bằng không
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	0	0		0	0	0	0		
3	Đoàn kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án cầu Cửa Hội bắc qua sông Lam, tỉnh Nghệ An và tỉnh Hà Tĩnh									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	207.844.753	0	0	0	207.844.753	0	0		
3.1	Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Cửa Lò									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	207.844.753	0		0	207.844.753	0	0		
4	Đoàn Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc Giang -Lạng Sơn đoạn Km1+800-Km108+500, kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1+800-Km106+500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	949.057.000	0	0	0	0	0	949.057.000		
4.1	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	949.057.000	0		0	0	0	949.057.000		
5	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Hà Tĩnh									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	7.021.577.410	0	0	0	624.707.110	0	6.396.870.300		
5.1	Cục Thuế tỉnh Hà Tĩnh									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	6.396.870.300						6.396.870.300		
5.2	Huyện Cẩm Xuyên									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	279.345.110			0	279.345.110				
5.3	Ban Quản lý dự án thành phố Hà Tĩnh									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	95.373.000				95.373.000		0		

[illegible]

TT	Chi tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi DT	Xử lý nợ đọng vay TƯ và GTGC	Kiến nghị khác	Thực hiện bổ sung đầu năm 2023	Ghi chú
1	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.263.823.860			0	2.263.823.860				
8.2	Huyện Gio Linh									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	105.680.000			0	105.680.000		0		
8.3	Kho bạc nhà nước									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	9.059.574.976						9.059.574.976		
8.4	Huyện Dakrong									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	185.992.000			185.992.000	0				
III	Năm kiểm toán 2019 (niên độ được kiểm toán 2018)								769.819.565	
	Số chưa thực hiện	132.756.369.542	2.489.797.369	0	50.589.026.841	42.091.007.908	0	37.586.537.424		
1	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2018 tỉnh Nghệ An								319.665.000	
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.848.744.399	121.790.056	0	345.765.000	4.381.189.343	0	0		
1.1	Huyện Quỳnh Lưu									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	437.272.000	0		230.000.000	207.272.000	0	0	230.000.000	Bổ sung chứng từ chi thường xuyên
1.2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quế Phong									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	363.144.000	0		0	363.144.000	0	0		
1.3	Ban Quản lý dự án huyện Quỳnh Châu									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	105.628.000	0		0	105.628.000	0	0		
1.4	Ban Quản lý dự án huyện Con Cuông									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	119.559.000	0		0	119.559.000	0	0		
1.5	Tổng đội Thanh niên xung phong xây dựng kinh tế Huyện Quỳnh Lưu									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	505.778.343	0		0	505.778.343	0	0		
1.6	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Vinh									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	57.210.000	0		0	57.210.000	0	0		
1.7	Chi cục thuế Tp Vinh									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	121.790.056	121.790.056		0	0	0	0		
1.8	Huyện Kỳ Sơn (Kiểm toán chuyên đề CTMTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 Tại các sở, ban, Ngành và Ban chỉ đạo Cấp tỉnh)									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.022.598.000	0		0	3.022.598.000	0	0		
1.9	Sở Tài chính Nghệ An									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	115.765.000	0		115.765.000	0	0	0	89.665.000	Bổ sung chứng từ chi thường xuyên
2	Hợp phần 1 - Dự án Khôi phục, nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Nghệ An									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	6.173.441.543	0	0	0	6.173.441.543	0	0		
2.1	Ban Quản lý dự án ngành Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	6.173.441.543	0		0	6.173.441.543	0	0		
3	Dự án phát triển các đô thị loại vừa tại Việt Nam - Tiểu dự án Vinh; Dự án đường giao thông nối Vinh - Cửa Lò (giai đoạn 1); Dự án Trụ sở UBND tỉnh Nghệ An; Khu nhà ở sinh viên Vinh Trung tại phường Trung Đô, Thành phố Vinh									Tách số liệu chi tiết từng đơn vị chưa thực hiện kiến nghị kiểm toán

[illegible]

TT	Chi tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi DT	Xử lý nợ đọng vay TU và GTGC	Kiến nghị khác	Thực hiện bổ sung đầu năm 2023	Ghi chú
1	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	76.945.611				76.945.611				
7.6	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Tĩnh									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	45.708.000				45.708.000				
7.7	Cục Thuế thành phố Hà Tĩnh									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	280.313.727	280.313.727					0		
7.8	Huyện Nghi Xuân									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.123.221.230	53.421.230		1.069.800.000			0		
7.9	Huyện Đức Thọ									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	246.169.867	0		0	246.169.867				
7.10	Thị xã Hồng Lĩnh									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	11.976.780	0		0	0		11.976.780		
8	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2018 tỉnh Thừa Thiên Huế									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	29.404.662.110	1.051.840.499	0	40.540.021.841	16.588.381.475	0	15.086.999.563		
8.1	Cục Thuế tỉnh Thừa Thiên Huế									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	100.143.023	100.143.023	0	0	0	0	0		
8.2	Sở KHĐT, Sở Tài chính, KBNN									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	17.314.667.407	0	0	4.486.016.090	12.828.651.317	0	0		
8.3	Sở LĐTBXH, Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, KBNN, Sở NN&PTNT, Sở TTTT, Huyện Nam Đông, Huyện Phong Điền									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	354.374.500	0		354.374.500	0		0		
8.4	Ban Quản lý dự án Di tích Cố Đô Huế									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.600.845.929	0		0	2.600.845.929	0	0		
8.5	Ủy ban nhân dân huyện Phú Vang									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.445.310.163	0		4.445.310.163	0	0	0		
8.6	Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.589.321.088	0		4.589.321.088	0	0	0		
9	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2018 tỉnh Quảng Bình									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	43.862.581.268	951.697.476	0	26.665.000.000	1.158.884.229	0	15.086.999.563		
9.1	Sở Tài chính, KBNN, Cục Thuế, Chi Cục thuế thành phố Đồng Hới, Chi Cục thuế huyện Quảng Trạch									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	15.387.913.711	859.588.067					14.528.325.644		
9.2	Sở Tài chính, KBNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	26.665.000.000			26.665.000.000	0				
9.3	Ban Quản lý dự án ODA Quảng Trạch									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	119.729.392				119.729.392				
9.4	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Lệ Thủy									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	91.455.798				91.455.798				
9.5	Huyện Tuyên Hóa									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.049.511.456	17.368.537		0	843.069.000		189.073.919		
9.6	Thị xã Ba Đồn									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	429.471.000	0		0	59.871.000		369.600.000		
9.7	Huyện Minh Hóa									Điều chỉnh lại tên huyện Minh Hóa (thay cho tên thị xã Ba Đồn)
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	119.499.911	74.740.872	0	0	44.759.039				

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi DT	Xử lý nợ đọng vay TU' và GTGC	Kiến nghị khác	Thực hiện bổ sung đầu năm 2023	Ghi chú
1	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
IV	Năm kiểm toán 2018 (niên độ được kiểm toán 2017)								162.896.000	
	Số chưa thực hiện	105.086.464.642	5.113.138.446	0	6.765.671.504	38.425.332.124	0	54.782.322.568		
1	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2017 tỉnh Nghệ An								0	
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	19.258.641.325	28.948.013	0	0	19.229.693.312	0	0		
1.1	Huyện Anh Sơn									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	340.020.000	0		0	340.020.000	0	0		
1.2	Huyện Con Cuông									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.394.001.730	5.637.730		0	2.388.364.000	0	0		
1.3	Huyện Nghĩa Đàn									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	5.303.359.000	0		0	5.303.359.000	0	0		
1.4	Huyện Quế Phong									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.372.461.000	0		0	2.372.461.000	0	0		
1.5	Thị xã Thái Hòa									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	396.078.000	0		0	396.078.000	0	0		
1.6	Thành phố Vinh									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	23.310.283	23.310.283		0	0	0	0		
1.7	Ban quản lý Dự án Đề Điều tỉnh Nghệ An									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.207.593.000	0		0	1.207.593.000	0	0		
1.8	Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp Con Cuông									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.025.168.000	0		0	1.025.168.000	0	0		
1.9	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng Cửa Lò									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	626.926.000	0		0	626.926.000	0	0		
1.10	Trường Cao đẳng Du lịch - Thương mại Nghệ An									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	317.241.000	0		0	317.241.000	0	0		
1.11	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng huyện Nam Đàn									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	411.944.000	0		0	411.944.000	0	0		
1.12	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng huyện Nghi Lộc									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.999.512	0		0	1.999.512	0	0		
1.13	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng huyện Nghĩa Đàn									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.433.705.000	0		0	4.433.705.000	0	0		
1.14	Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Yên (huyện Quỳnh Lưu)									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	208.854.000	0		0	208.854.000	0	0		
1.15	Ban Quản lý dự án ngành Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	195.980.800	0		0	195.980.800	0	0		

[illegible]

TT	Chi tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi DT	Xử lý nợ đọng vay TU' và GTGC	Kiến nghị khác	Thực hiện bổ sung đầu năm 2023	Ghi chú
1	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
6.3	Số chưa thực hiện (6)=(4-5) Ban quản lý dự án Trường Đại học Hà Tĩnh	1.204.145.000				1.204.145.000				
6.4	Số chưa thực hiện (6)=(4-5) Ban quản lý các dự án xây dựng cơ bản ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn	33.854.000				33.854.000				
6.5	Số chưa thực hiện (6)=(4-5) Ban quản lý các dự án xây dựng cơ bản huyện Hương Khê	945.886.000				945.886.000				
6.6	Số chưa thực hiện (6)=(4-5) Cục Thuế tỉnh Hà Tĩnh	31.546.000				31.546.000				
6.7	Số chưa thực hiện (6)=(4-5) Kho bạc nhà nước tỉnh Hà Tĩnh	20.283.941	20.283.941							
6.8	Số chưa thực hiện (6)=(4-5) Sở Văn hóa, thể thao và du lịch Hà Tĩnh	142.983.000						142.983.000		
7	Số chưa thực hiện (6)=(4-5) Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2017 tỉnh Thừa Thiên Huế	929.846.689			0	929.846.689				
7.1	Số chưa thực hiện (6)=(4-5) Cục Thuế Tỉnh Thừa Thiên Huế	4.759.395.535	62.954.536	0	4.696.440.999	0	0	0		
7.2	Số chưa thực hiện (6)=(4-5) Sở Tài chính Thừa Thiên Huế	36.466.688	36.466.688	0	0	0	0	0		
7.3	Số chưa thực hiện (6)=(4-5) Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền	3.073.199.999	0		3.073.199.999	0	0	0		
7.4	Số chưa thực hiện (6)=(4-5) Ủy ban nhân dân huyện Phú Lộc	26.487.848	26.487.848		0	0	0	0		
7.5	Số chưa thực hiện (6)=(4-5) Ủy ban nhân dân huyện Quảng Điền	646.700.000	0		646.700.000	0	0	0		
7.6	Số chưa thực hiện (6)=(4-5) Ủy ban nhân dân thị xã Hương Trà	636.584.000	0		636.584.000	0	0	0		
8	Số chưa thực hiện (6)=(4-5) Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2017 tỉnh Quảng Bình	339.957.000	0		339.957.000	0	0	0		
8.1	Số chưa thực hiện (6)=(4-5) Sở Tài chính Quảng Bình	7.652.562.905	89.480.505	0	2.045.782.400	5.517.300.000	0	0	15.526.000	
8.2	Số chưa thực hiện (6)=(4-5) Cục Thuế tỉnh Quảng Bình	2.045.782.400			2.045.782.400	0				
8.3	Số chưa thực hiện (6)=(4-5) Sở Kế hoạch và Đầu tư	48.479.595	48.479.595					0		
8.4	Số chưa thực hiện (6)=(4-5) Chi Cục thuế thành phố Đồng Hới	5.068.000.000				5.068.000.000				Bổ sung chứng từ tăng thu NSNN
8.5	Số chưa thực hiện (6)=(4-5) Sở Công Thương Quảng Bình	41.000.910	41.000.910						15.526.000	
8.6	Số chưa thực hiện (6)=(4-5) Thị xã Ba Đồn	417.102.000				417.102.000				
9	Số chưa thực hiện (6)=(4-5) Đoàn Kiểm toán ngân sách địa phương 2017 tỉnh Quảng Trị	32.198.000	0	0	0	32.198.000				
9.1	Số chưa thực hiện (6)=(4-5) Cục Thuế tỉnh Quảng Trị	18.131.738.551	536.764.428	0	0	2.197.145.123	0	15.397.829.000		
9.2	Số chưa thực hiện (6)=(4-5) Chi cục phát triển nông thôn Quảng Trị	536.764.428	536.764.428							

[illegible]

[illegible]

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi DT	Xử lý nợ đọng vay TU' và GTGC	Kiến nghị khác	Thực hiện bổ sung đầu năm 2023	Ghi chú
1	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Số chưa thực hiện	130.604.114.487	1.949.637.972	0	109.190.198.096	9.212.961.417	0	10.251.317.002		
1	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2015 tỉnh Nghệ An									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	56.549.190.104	653.117.104	0	55.055.000.000	841.073.000	0	0	694.000.000	
1.1	Cục thuế Nghệ An									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	653.117.104	653.117.104		0	0	0	0		
1.2	Sở Tài chính Nghệ An									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	25.395.000.000	0		25.395.000.000	0	0	0		
1.3	Thị xã Cửa Lò									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	29.660.000.000	0		29.660.000.000	0	0	0	694.000.000	Bổ sung chứng từ chi thường xuyên
1.4	Ban quản lý Dự án Đề Điều tỉnh Nghệ An									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	98.874.000	0		0	98.874.000	0	0		
1.5	Ban Quản lý dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Nghệ An									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	43.910.000	0		0	43.910.000	0	0		
1.6	Chi cục phát triển nông thôn Nghệ An									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	698.289.000	0		0	698.289.000	0	0		
2	Đoàn kiểm toán hoạt động quản lý, sử dụng ngân sách năm 2015 của thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	48.811.000	0	0	48.811.000	0	0	0		
2.1	Thành phố Vinh									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	48.811.000	0		48.811.000	0	0	0		
3	Đoàn kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án cấp nước cho khu vực kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	5.550.169.000	0	0	0	0	0	5.550.169.000		
3.1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vũng Áng									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	5.550.169.000	0		0	0	0	5.550.169.000		
4	Đoàn kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn Dự án phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 - Xây dựng công trình đường Hồ Chí Minh đoạn La Sơn - Tuý Loan tỉnh Thừa Thiên Huế và Thành phố Đà Nẵng theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT)									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.653.535.980	0	0	0	4.653.535.980	0	0		
4.1	Đơn vị: Hội đồng BT, HT và TĐC các dự án trọng điểm huyện Phú Lộc									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	55.000.000	0		0	55.000.000	0	0		
4.2	Đơn vị: Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Đà Nẵng									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.398.535.980	0		0	1.398.535.980	0	0		
4.3	Đơn vị: UBND thành phố Đà Nẵng									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.200.000.000	0		0	3.200.000.000	0	0		
5	Dự án Xây dựng hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL 1A, tỉnh Thừa Thiên Huế theo hình thức hợp đồng BOT									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.701.148.002	0	0	0	0	0	4.701.148.002		

TT	Chi tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi DT	Xử lý nợ đọng vay TU' và GTGC	Kiến nghị khác	Thực hiện bổ sung đầu năm 2023	Ghi chú
1	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
5.1	Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.602.375.002	0		0	0	0	4.602.375.002		
5.2	Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư các dự án trọng điểm trên địa bàn huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	98.773.000	0	0	0	0	0	98.773.000		
6	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2015 tỉnh Hà Tĩnh									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	51.691.583.154	1.147.254.966	0	50.320.704.322	223.623.866	0	0		
6.1	Sở Tài chính Hà Tĩnh									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	47.230.198.000			47.230.198.000					
6.2	Cục thuế tỉnh Hà Tĩnh									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	992.261.139	992.261.139							
6.3	Ban Quản lý các dự án xây dựng cơ bản huyện Đức Thọ									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	50.393.242				50.393.242				
6.4	Ban Quản lý các dự án xây dựng cơ bản huyện Hương Khê									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	173.230.624				173.230.624				
6.5	Huyện Can Lộc									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	86.105.763	86.105.763		0	0				
6.6	Huyện Lộc Hà									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	762.200.000	0		762.200.000	0				
6.7	Huyện Nghi Xuân									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	53.009.804	53.009.804		0	0				
6.8	Thành phố Hà Tĩnh									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.328.306.322	0		2.328.306.322	0				
6.9	Thị xã Kỳ Anh									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	15.878.260	15.878.260		0	0				
7	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2015 tỉnh Thừa Thiên Huế								65.596.000	
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	902.270.454	38.413.454	0	0	863.857.000	0	0		
7.1	Cục Thuế Tỉnh Thừa Thiên Huế									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	38.413.454	38.413.454	0	0	0	0	0		
7.2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Phong Điền									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	187.587.000	0	0	0	187.587.000	0	0		
7.3	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thị xã Hương Trà									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	676.270.000	0		0	676.270.000		0	65.596.000	Thực hiện bổ sung chứng từ chi đầu tư
8	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2015 tỉnh Quảng Bình									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.006.322.493	25.450.922	0	350.000.000	2.630.871.571	0	0		
8.1	Sở Tài chính Quảng Bình									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	350.000.000			350.000.000					

TT	Chi tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi DT	Xử lý nợ đọng vay TU' và GTGC	Kiến nghị khác	Thực hiện bổ sung đầu năm 2023	Ghi chú
1	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
8.2	Sở Xây dựng Quảng Bình									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.433.267.786				2.433.267.786				
8.3	Huyện Lệ Thủy									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	59.766.000	0		0	59.766.000				
8.4	Huyện Quảng Trạch									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	59.809.808	25.450.922		0	34.358.886				
8.5	Ban quản lý dự án rủi ro Thiên tai									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	103.478.899				103.478.899				
9	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2015 tỉnh Quảng Trị									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.501.084.300	85.401.526	0	3.415.682.774	0	0	0		
9.1	Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.415.682.774			3.415.682.774					
9.2	Huyện Triệu Phong									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	85.401.526	85.401.526							
VII	Năm kiểm toán 2015 (niên độ được kiểm toán 2014)								0	
	Số chưa thực hiện	8.670.429.459	1.005.311.520	0	0	2.322.528.251	0	5.342.589.688		
1	Dự án công trình Hệ thống thủy lợi Ngân Trươi - Cẩm Trang tỉnh Hà Tĩnh									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	6.653.249.826	0	0	0	1.336.179.438	0	5.317.070.388		
1.1	Ban chuyên trách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình thủy lợi - thủy điện Ngân Trươi - Cẩm Trang huyện Vũ Quang									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	6.653.249.826				1.336.179.438	-	5.317.070.388		
3	Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL 1 đoạn Km 848+875 - Km890+200 tỉnh Thừa Thiên Huế									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	107.276.813	0	0	0	107.276.813	0	0		
3.1	Ban QLDA 4									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	107.276.813				107.276.813				
4	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2014 tỉnh Hà Tĩnh									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	206.894.000	206.894.000	0	0	0	0	0		
4.1	Cục Thuế tỉnh Hà Tĩnh									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	206.894.000	206.894.000							
5	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2014 tỉnh Thừa Thiên Huế									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	558.178.869	75.558.869	0	0	482.620.000	0	0		
5.1	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thừa Thiên Huế									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	42.148.000	0	0	0	42.148.000	0	0		
5.2	Cục Thuế Tỉnh Thừa Thiên Huế									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	75.558.869	75.558.869	0	0	0	0	0		

TT	Chi tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi DT	Xử lý nợ động vay TU' và GTGC	Kiến nghị khác	Thực hiện bổ sung đầu năm 2023	Ghi chú
1	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
5.3	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Công trình giao thông tỉnh Thừa Thiên Huế									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	347.750.000	0		0	347.750.000		0		
5.4	Chi cục Thủy lợi tỉnh Thừa Thiên Huế									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	92.722.000	0		0	92.722.000	0	0		
6	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2014 tỉnh Quảng Bình									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	820.309.428	689.437.128	0	0	105.353.000	0	25.519.300		
6.1	Ban quản lý dự án Quản lý Rủi ro thiên tai									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	105.353.000				105.353.000				
6.2	Cục Thuế tỉnh Quảng Bình									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	689.437.128	689.437.128							
6.3	Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Quảng Bình									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	25.519.300				0		25.519.300		
7	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2014 tỉnh Quảng Trị									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	324.520.523	33.421.523	0	0	291.099.000	0	0		
7.1	Cục Thuế tỉnh Quảng Trị									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	33.421.523	33.421.523					0		
7.2	Trung tâm thông tin xúc tiến du lịch tỉnh Quảng Trị									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	22.520.000				22.520.000				
7.3	Ban quản lý xây dựng và cải tạo hệ thống thoát nước, xử lý nước thải thị xã Quảng Trị									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	268.579.000				268.579.000				
VIII	Năm kiểm toán 2014 (niên độ được kiểm toán 2013)								0	
	Số chưa thực hiện	17.541.155.365	3.661.351.482	0	324.419.500	7.082.600.383	0	6.472.784.000		
1	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2013 tỉnh Nghệ An									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	9.383.016.970	2.662.239.087	0	266.419.500	6.454.358.383	0	0		
1.1	Cục thuế Nghệ An									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	264.095.247	264.095.247	0	0	0	0	0		
1.2	Huyện Nam Đàn									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	180.424.022	53.419.022	0	0	127.005.000	0			
1.3	Huyện Diễn Châu									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.344.724.818	2.344.724.818	0	0	0	0	0		
1.4	Huyện Con Cuông									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	373.907.280	0	0	0	373.907.280				
1.5	Huyện Quế Phong									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	282.621.864	0	0	0	282.621.864	0			
1.6	Huyện Quỳnh Hợp									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	534.996.550	0	0	0	534.996.550				
1.7	Huyện Nghĩa Đàn									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	510.802.689	0	0	0	510.802.689	0			

TT	Chi tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi DT	Xử lý nợ đọng vay TU' và GTGC	Kiến nghị khác	Thực hiện bổ sung đầu năm 2023	Ghi chú
1	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.8	Huyện Quỳnh Lưu (Kiểm toán chương trình mục tiêu quốc gia việc làm và dạy nghề giai đoạn 2012-2013)									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	266.419.500			266.419.500					
1.9	Ban QLDA ngành NN&PTNN Nghệ An									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.464.758.000				4.464.758.000				
1.10	Ban quản lý ĐT&XD Con Cuông									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	73.804.000				73.804.000				
1.11	Ban quản lý ĐT&XD Hưng Nguyên									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	86.463.000				86.463.000				
2	Các dự án do Ban QL khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh làm chủ đầu tư (05 dự án)									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	6.472.784.000	0	0	0	0	0	6.472.784.000		
2.1	Đường từ đường vào Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 đến cầu Hoà Lộc và cầu Hoà Lộc (Ban QL khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh)									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	6.472.784.000						6.472.784.000		
3	Dự án thủy lợi, thủy điện Quảng Trị									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	8.272.000	0	0	0	8.272.000	0	0		
3.1	Đường thi công kết hợp vận hành đến tháp điều áp (CN2) - Giai đoạn 1 (Ban quản lý dự án thủy điện 2)									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	8.272.000	-	-	-	8.272.000				
4	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2013 tỉnh Quảng Trị									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	125.588.854	84.244.854	0	0	41.344.000	0	0		
4.1	Cục thuế tỉnh Quảng Trị									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	84.244.854	84.244.854							
4.2	Ban QLDA đầu tư & xây dựng huyện Vĩnh Linh									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	41.344.000				41.344.000				
5	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2013 tỉnh Thừa Thiên Huế									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.551.493.541	914.867.541	0	58.000.000	578.626.000	0	0		
5.1	Cục Thuế Tỉnh Thừa Thiên Huế									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	914.867.541	914.867.541							
5.2	Sở Văn hoá thể thao và du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	58.000.000			58.000.000					
5.3	Ban đầu tư và xây dựng huyện Phong Điền									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	444.587.000				444.587.000				
5.4	Ban đầu tư và xây dựng huyện Quảng Điền									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	134.039.000				134.039.000				
IX	Năm kiểm toán 2013 (niên độ được kiểm toán 2012)								292.317.000	
	Số chưa thực hiện	250.667.588.680	44.304.468	0	66.371.550.191	123.158.344.021	41.359.186.000	19.734.204.000		
1	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2012 tỉnh Nghệ An									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	46.797.791.917	26.926.880	0	0	5.411.679.037	41.359.186.000	0		
1.1	Sở KH&ĐT									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	41.359.186.000					41.359.186.000			

TT	Chi tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi DT	Xử lý nợ đọng vay TƯ và GTGC	Kiến nghị khác	Thực hiện bổ sung đầu năm 2023	Ghi chú
1	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.2	Huyện Diễn Châu									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	26.926.880	26.926.880	0	0	0	0			
1.3	Ban QLDA đề điều Nghệ An									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	724.061.727	0	0	0	724.061.727				
1.4	Ban QL chương trình 229 huyện Quỳnh Châu									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	677.266.310	0	0	0	677.266.310				
1.5	Ban QLDA XDCT: Đường GT NT huyện Quỳnh Lưu, các tuyến: Quỳnh Thạch- Quỳnh Thanh- Quỳnh Lương và Quỳnh Văn Quỳnh Thanh- Quỳnh Yên)									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	149.819.000	0	0	0	149.819.000				
1.6	Ban QL các dự án ĐTXD huyện Anh Sơn									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	369.849.000	0	0	0	369.849.000				
1.7	Ban QL các dự án ĐTXD huyện Quỳnh Hợp									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	92.217.000	0	0	0	92.217.000				
1.8	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông - Lâm, Giao thông, Thủy lợi huyện Quỳnh Châu									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	124.626.000	0	0	0	124.626.000				
1.9	KIỂM TOÁN CÁC DỰ ÁN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ									
	Bệnh viện đa khoa TP Vinh									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	49.790.000	0	0	0	49.790.000				
1.10	BQL các dự án đầu tư xây dựng huyện Anh Sơn									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.224.050.000	0	0	0	3.224.050.000				
2	Dự án cầu Bến Thủy 2 và Dự án đường nối cảng Vũng Áng đến biên giới Việt Lào									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	997.907.725	0	0	0	997.907.725	0	0		
2.1	Ban QLDA 85									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	712.177.725	0	0	0	712.177.725			292.317.000	Bổ sung chứng từ chi đầu tư
2.2	Đền bù GPMB dự án tại Kỳ Anh, Huyện Kỳ Anh									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	285.730.000				285.730.000				
3	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2012 tỉnh Hà Tĩnh									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	5.426.433.636	0	0	4.748.942.377	677.491.259	0	0		
3.1	Sở Tài nguyên và Môi trường									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.716.942.377			2.716.942.377					
3.2	Huyện Kỳ Anh									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.032.000.000			2.032.000.000					
3.3	Huyện Hương Sơn									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	459.335.259				459.335.259				
3.4	Ban QLDA xã Thạch Bàng									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	97.423.000				97.423.000				

TT	Chi tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi DT	Xử lý nợ đọng vay TU' và GTGC	Kiến nghị khác	Thực hiện bổ sung đầu năm 2023	Ghi chú
1	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
3.5	Ban QLDA Đường giao thông vào vùng Kinh tế mới xã Xuân Mỹ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	33.194.000				33.194.000				
3.6	Ban QLDA xã Thạch Châu									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	87.539.000				87.539.000				
4	Chuyên đề BHYT cho người nghèo giai đoạn 2010-2012 và Chuyên đề quản lý và sử dụng TPCP giai đoạn 2010-2012 của tỉnh Quảng Trị									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.792.629.000	0	0	0	0	0	3.792.629.000		
4.1	Sở Tài Chính									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.792.629.000						3.792.629.000		
5	Chuyên đề BHYT người nghèo giai đoạn 2010-2012 và chuyên đề quản lý và sử dụng TPCP giai đoạn 2010 -2012 của tỉnh Thừa Thiên Huế									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	59.456.431.499	0	0	43.049.590.499	465.266.000	0	15.941.575.000		
5.1	Sở Tài chính									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	59.456.431.499			43.049.590.499	465.266.000		15.941.575.000		
6	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2012 tỉnh Quảng Bình									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	134.196.394.903	17.377.588	0	18.573.017.315	115.606.000.000	0	0		
6.1	Sở Tài chính tỉnh Quảng Bình									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	111.342.105.000			216.105.000	111.126.000.000				
6.2	Cục Thuế tỉnh Quảng Bình									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	17.377.588	17.377.588							
6.3	Huyện Tuyên Hóa									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.041.612.000			2.041.612.000					
6.4	Huyện Lệ Thủy									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	7.581.000.000			7.581.000.000					
6.5	Huyện Minh Hóa									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	9.315.000.000			4.835.000.000	4.480.000.000				
6.6	Huyện Bố Trạch									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	410.453.400			410.453.400					
6.7	Huyện Quảng Ninh									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	390.120.915			390.120.915					
6.8	Thành phố Đồng Hới									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.073.000.000			3.073.000.000					
6.9	Huyện Minh Hóa									
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	25.726.000			25.726.000					

TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ CHƯA THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC VỀ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH ĐẾN 31/12/2022

Phụ lục kèm theo Công văn số/KTNN-TH ngày/...../2023 của Kiểm toán nhà nước

STT	Tên cơ quan tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị chưa thực hiện	Nguyên nhân chưa thực hiện	
				Thuyết minh nguyên nhân	Phân loại
1	2	3	4	5	6
I	Niên độ được kiểm toán 2015				
1	Bộ Giao thông vận tải	Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km791A+500 - Km848+875, tỉnh Thừa Thiên Huế	Phối hợp Bộ Tài chính và các ngành liên quan có quy trình hướng dẫn phương pháp xây dựng phương án tài chính đối với các dự án BOT làm cơ sở cho việc lập đề xuất dự án và thuận tiện cho công tác quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	Nguyên nhân khác (Đơn vị chưa báo cáo về nội dung này)	Chi lựa chọn 01 trong 04 lý do: - Do đơn vị được kiểm toán - Do bên thứ 3 - Do KTNN - Nguyên nhân khác
2	Cơ quan tổ chức 2				
					
II	Niên độ được kiểm toán 2017				
	Bộ Tài chính	Dự án mở rộng QL1A đoạn Km368+400 (Nghị Sơn) - Km402+330 (Cầu Giát), tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An và DA ĐTXD nút giao khác mức tại điểm giao cắt QL48 với QL1 và đường sắt Bắc Nam	Ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về cách tính lợi nhuận của nhà đầu tư, tỷ suất lợi nhuận nhà đầu tư đối với các dự án BOT, đưa ra cách tính rõ ràng, thống nhất, sát đúng thực tế để áp dụng chung cho các dự án có cùng tính chất	Nguyên nhân khác (Đơn vị chưa báo cáo về nội dung này)	
III	Niên độ được kiểm toán 2018				
1	UBND tỉnh Hà Tĩnh	Báo cáo kiểm toán công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2013-2018 tại tỉnh Hà Tĩnh	Sửa đổi bổ sung Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 08/1/2018 của UBND tỉnh quy định bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh để quy định đầy đủ giá đối với các sản phẩm tài nguyên	Nguyên nhân khác (Đơn vị đang thực hiện)	
2			Sửa đổi bổ sung Quyết định số 2604/QĐ-UBND ngày 10/9/2014 quy định tỷ lệ quy đổi từ khoáng sản thành phẩm sang khoáng sản nguyên khai, tỷ trọng sản phẩm khoáng sản và hệ số nở rời đối với các loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh để bao quát hết các loại khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Nguyên nhân khác (Đơn vị đang thực hiện)	
...					

Lưu ý:

- Cột STT (1) ghi theo số thứ tự kiến nghị liên quan đã được tổng hợp trong Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm của KTNN đã phát hành gửi Quốc hội.
- Cột thuyết minh nguyên nhân (5): Phân tích nguyên nhân, thuyết minh chi tiết đối với từng từng kiến nghị cơ chế chính sách chưa thực hiện
- Cột phân loại (6): phân loại nguyên nhân, chỉ chọn 01 trong 04 lý do gợi ý